TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. QUY NHƠN - T. BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 588/2019/HNGĐ-ST
Ngày 02 - 7 - 2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huy Huệ
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Long
2. Bà Đoàn Thị Thùy Châu

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trịnh Trần Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn.

- ***Đại diện VKSND Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 352/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 về "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/6/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị Hồng L - Sinh năm: 1985
Trú tại: Tổ 66, KV8, phường NB, thành phố QN.
- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Trung V - Sinh năm: 1972
Trú tại: Tổ 72, KV9, phường NB, thành phố QN.
(*Chị L có mặt, anh V vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2019 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Đỗ Thị Hồng L trình bày*:**

Chị và anh Nguyễn Trung V tự nguyện tìm hiểu và được gia đình hai bên cho phép tổ chức hỏi cưới theo phong tục, chung sống vào ngày 24/11/2004 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Chị và anh V chung sống hạnh phúc thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V không chăm lo làm ăn, thường xuyên ăn nhậu rồi về nhà chửi chị. Mặc dù chị và người thân đã khuyên can nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi. Nay chị nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 23/7/2006. Hiện nay cháu đang sống với anh V, sức khỏe tốt. Nếu ly hôn chị tự nguyện giao con chung cho anh V nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn anh Nguyễn Trung V*:**

Tại phiên tòa hôm nay, anh V vắng mặt. Tuy nhiên, theo biên bản lấy lời khai ngày 03/5/2019 thì anh V công nhận thời gian tìm hiểu, chung sống không có đăng ký kết hôn như chị L đã trình bày. Theo anh, sau khi chung sống anh chị hạnh phúc thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Nay chị L có đơn xin ly hôn, anh cũng đồng ý. Trong quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 23/7/2006. Hiện nay cháu đang sống với anh, sức khỏe tốt. Nguyện vọng của anh là được nuôi con chung, yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn không chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, KSV đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Không công nhận chị L với anh V là vợ chồng; Giao cháu N cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chị L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ; Tài sản chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Trung V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án (điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS).

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào nội dung tranh chấp của các đương sự, HĐXX xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "ly hôn và tranh chấp về nuôi con" (khoản 1 Điều 28 BLTTDS), thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn (điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS).

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Hồng L và anh Nguyễn Trung V tự nguyện chung sống với nhau từ ngày 24/11/2004 nhưng không có đăng ký kết hôn. HĐXX xét: Chị L và anh V có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nhưng anh chị không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng (theo khoản 1 Điều 14 Luật HNGĐ 2014). Nay chị L và anh V phát sinh mâu thuẫn,

chị Linh có đơn yêu cầu ly hôn thì Tòa án vẫn thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng (theo Điều 53 Luật HNGĐ 2014).

[2.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 23/7/2006. Chị L tự nguyện giao con chung cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. HĐXX xét: Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/5/2019, anh V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Cháu N cũng có nguyện vọng ở với ba. Vì vậy, HĐXX chấp nhận nguyện vọng của anh V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung (theo Điều 81 Luật HNGĐ 2014). Ghi nhận sự tự nguyện của chị L đóng góp nuôi con chung với anh V số tiền 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu N thành niên.

[2.3] Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; chị L phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15; Điều 53; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị Hồng Linh và anh Nguyễn Trung V.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 23/7/2006 cho anh Nguyễn Trung V trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L đóng góp nuôi con chung với anh V số tiền 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu N thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Chị L, anh V không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Hồng L phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001281 ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn. Chị L còn phải nộp 300.000đ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. QN;
- Chi cục THADS Tp. QN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Huy Huệ